

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code: FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date: 07/05/2025

7. Đơn vị tính/Unit: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1,800	4.85%
2	BID	100	0.39%
3	BVH	100	0.53%
4	CMG	100	0.37%
5	CTG	400	1.69%
6	DBC	100	0.31%
7	DCM	100	0.38%
8	DGC	100	1.05%
9	DGW	100	0.37%
10	DIG	200	0.34%
11	DPM	100	0.38%
12	DXG	300	0.52%
13	EIB	700	1.49%
14	EVF	300	0.33%
15	FPT	600	7.39%
16	FRT	100	1.93%
17	GAS	100	0.67%
18	GEX	300	0.96%
19	GMD	200	1.20%
20	GVR	100	0.27%
21	HAG	300	0.43%

22	HCM	200	0.57%
23	HDB	1,200	2.86%
24	HDG	100	0.27%
25	HHV	200	0.27%
26	HPG	1,600	4.57%
27	HSG	200	0.32%
28	KBC	200	0.53%
29	KDC	100	0.63%
30	KDH	300	0.91%
31	LPB	1,300	4.64%
32	MBB	1,500	3.97%
33	MSB	1,100	1.39%
34	MSN	400	2.79%
35	MWG	500	3.40%
36	NAB	500	0.97%
37	NKG	200	0.27%
38	NLG	100	0.32%
39	OCB	700	0.82%
40	PAN	100	0.26%
41	PCI	100	0.24%
42	PDR	200	0.36%
43	PLX	100	0.38%
44	PNJ	100	0.83%
45	POW	300	0.41%
46	PVD	100	0.20%
47	PVT	100	0.24%
48	REE	100	0.78%
49	SAB	100	0.54%
50	SBT	200	0.38%
51	SHB	1,600	2.25%
52	SSB	800	1.66%
53	SSI	600	1.56%
54	STB	900	3.93%
55	TCB	2,100	6.33%
56	TCH	200	0.39%
57	TPB	600	0.93%
58	VCB	400	2.56%
59	VCG	200	0.48%
60	VCI	200	0.83%
61	VHM	500	3.42%
62	VIB	1,000	1.97%
63	VIC	500	3.96%
64	VIX	600	0.83%

27031
CÔNG
TNI
ỘT THÀ
AN LÝ C
CHÚNG
I.
BÀ TRI

65	VJC	100	1.00%
66	VND	500	0.82%
67	VNM	400	2.56%
68	VPB	1,800	3.42%
69	VRE	400	1.12%
II.	Tiền/Cash (VND)	35,211,155	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND) 890,250,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND) 925,461,155

Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND) 35,211,155

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	24,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	34,950	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	109,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	53,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	23,550	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	60,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	73,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	69,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	26,850	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	13,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	16,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	14,650	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclose on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

VIỆN
ĐẦU TƯ
HOÁN
ĐỔI

Đại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/*Persons Authorized to Disclose Information*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)/ *(Signature, full name and seal - if any)*



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thúy Lan